TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2018/HS-ST
Ngày 22/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thế Sang, ông Nguyễn Văn Hải.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2018/TLST-HS ngày 09/10/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 90/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018, đối với bị cáo:

Đoàn Phạm Nhật T (Bò), sinh năm 1995; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi đăng ký thường trú tại Ấp 3, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; giới tính: N; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Đoàn Thanh H, sinh năm 1961 và con bà Phạm Thị K S sinh năm 1966; vợ, con, tiền án: Không; tiền sự: Ngày 25/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 01 năm 06 tháng, tính từ ngày 01/6/2016; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/7/2018 (đến nay đang bị tạm giam tại Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

* *Người bị hại:* Ông Ngô Công K, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1982; cùng địa chỉ cư trú tại Ấp 3, xã P L, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Ngọc Phương N, sinh năm 1997;

+ Phùng A S, sinh ngày 24/12/2002.

Người đại diện hợp pháp của Phùng A S: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; đương sự N, S, C cùng nơi cư trú tại Ấp 6, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; nơi cư trú tại Ấp 1, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

* *Người làm chứng:* Ông Ngô Công Đ, sinh năm 1937; nơi cư trú tại Ấp 3, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa: Bị cáo, đương sự S và bà C có mặt; những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/7/2018, bị cáo và Phùng A S điều khiển xe mô tô biển số 95FA-2563 đến khu vực địa bàn ấp 3, xã P L, huyện Tân Phú để vào vườn trồng cây bưởi của các người bị hại trộm cắp quả bưởi. Hành vi của S và bị cáo bị phát hiện, Công an xã P L lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ: 37 quả bưởi da xanh là 55 kilôgam (kg) và 01 xe mô tô.

S và bị cáo còn khai nhận trong tháng 7/2018 có trộm cắp quả bưởi của người bị hại khác tại xã P L bán cho bà T 580.000 đồng nhưng không xác định được người bị hại, bà T cũng không biết quả bưởi bị cáo bán là tài sản trộm cắp.

Bản kết luận định giá tài sản số: 45/KL.HĐĐGTS ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận trị giá tài sản 37 quả bưởi da xanh (55 kg) là 2.250.000 đồng.

Cáo trạng số: 58/CT-VKSTP-ĐN ngày 11/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, quyết định truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội. Lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

Bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về vật chứng: Xe mô tô trên do bị cáo mượn của Phạm Ngọc Phương N sử dụng là tài sản của cha mẹ N mua của bà Mai Thị L (cư trú tại tỉnh H Giang). Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xác minh để làm rõ nguồn gốc xe nhưng chưa có tài liệu chứng minh về nguồn gốc tài sản. Cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh tài liệu về nguồn gốc tài sản để xử lý sau là phù hợp với pháp luật.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật, bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp;

Người bị hại, đương sự (N, T), người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án, Tòa án có thể công bố lời khai của họ tại phiên tòa để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án những người này theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm như bản Cáo trạng là đúng sự thật, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của bị cáo thống nhất với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu khác đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của đương sự S, Kết luận định giá tài sản. Các chứng cứ này chứng minh bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động, làm những việc có ích lợi đối với bị cáo, gia đình và xã hội, nhưng bị cáo không làm được điều này mà đi trộm cắp tài sản của người bị hại, gây ra thiệt hại về tài sản của người bị hại. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, nguy hiểm cho xã hội, vụ án xảy ra góp phần làm ảnh hưởng xấu đến tình tình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, có mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo, học tập trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân không tốt, là người nghiện ma túy đã bị Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nay lại có hành vi thực hiện tội phạm. Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thảo luận, quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để trừng trị, giáo dục bị cáo, đồng thời để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

Đối với Phùng A S đã tham gia trộm cắp tài sản của người bị hại cùng bị cáo nhưng do đây là tội phạm ít nghiêm trọng, thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì Phùng A S chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự, Tòa án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với đương sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5, 63 của Luật xử lý vi phạm hành chính khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị T có mua quả bưởi của bị cáo là tài sản trộm cắp nhưng bà không biết đây là tài sản trộm cắp nên không xử lý hình sự đối với bà về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định của luật.

[3] Về vật chứng của vụ án xử lý như sau:

Số tiền 580.000 đồng mà bị cáo thu được từ việc bán tài sản trộm cắp là tiền thu lợi bất chính, bị cáo phải có trách nhiệm nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Đối với xe mô tô nêu trên, bị cáo mượn của N sử dụng là tài sản của cha mẹ N đã mua của bà Lượm (cư trú tại tỉnh Hậu Giang). Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xác minh để làm rõ nguồn gốc xe để giải quyết trong cùng vụ án nhưng chưa có tài liệu chứng minh về nguồn gốc tài sản nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị để Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Điểm a khoản 1 Điều 5, Điều 63 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 292, 293 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Phạm Nhật T phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Phạm Nhật T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2018.

* Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt hành chính đối với Phùng A S khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

* Về vật chứng: Bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 580.000đ (năm trăm tám mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về chi phí tố tụng: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

* Về quyền kháng cáo Bản án:

Bị cáo, bà Nguyễn Thị C và Phùng A S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Ngọc Phương N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng (*có quyền nhận Bản án*);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
- Cơquan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Lưu hồ sơ vụ án, TAND huyện Tân Phú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính